

QUYẾT ĐỊNH

**V/v điều chỉnh mức thu học phí năm học 2015-2016
với Lưu học sinh tự túc kinh phí**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định Cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 1403/QĐ-BNN-TCCB ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-TTg ngày 17 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-NNH ngày 02/01/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội (nay là Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam) về việc ban hành Quy chế quản lý nguồn thu và chi tiêu nội bộ;

Theo đề nghị của ông Trưởng ban Tài chính và Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Điều chỉnh mức thu học phí đối với các hệ đào tạo cho đối tượng là Lưu học sinh tự túc kinh phí năm học 2015-2016 như sau:

1. Chương trình đào tạo bằng tiếng Việt

TT	Hệ đào tạo và đối tượng	Mức thu theo tháng (1000đ)	Mức thu theo tín chỉ (1000đ)	Mức thu theo năm học (1000đ)
1	Đào tạo trình độ đại học			
	LHS Lào và Căm-pu-chia	1,490	497	14,900
	LHS các nước khác	1,788	596	17,880
2	Đào tạo trình độ thạc sĩ trong giờ hành chính			
	LHS Lào và Căm-pu-chia	2,235	972	22,350
	LHS các nước khác	2,682	1,166	26,820
3	Đào tạo trình độ thạc sĩ ngoài giờ hành chính			
	LHS Lào và Căm-pu-chia	2,682	1,166	26,820
	LHS các nước khác	3,218	1,399	32,180
4	Đào tạo tiến sĩ			
	LHS Lào và Căm-pu-chia	3,725		37,250
	LHS các nước khác	4,470		44,700

2. Chương trình đào tạo bằng tiếng Anh

TT	Hệ đào tạo và đối tượng	Mức thu theo tháng (1000đ)	Mức thu theo tín chỉ (1000đ)	Mức thu theo năm học (1000đ)
1	Đào tạo trình độ đại học			
	LHS Lào và Căm-pu-chia	2,235	745	22,350
	LHS các nước khác	2,682	894	26,820
2	Đào tạo trình độ thạc sĩ trong giờ hành chính			
	LHS Lào và Căm-pu-chia	3,353	1,458	33,530
	LHS các nước khác	4,023	1,749	40,230
3	Đào tạo trình độ thạc sĩ ngoài giờ hành chính			
	LHS Lào và Căm-pu-chia	4,023	1,749	40,230
	LHS các nước khác	4,828	2,099	48,280
4	Đào tạo tiến sĩ			
	LHS Lào và Căm-pu-chia	5,588		55,880
	LHS các nước khác	6,705		67,050

Học phí các môn học lại tính hệ số 1,2 so với học lần đầu;

Mức học phí trên thay thế cho mức thu trong Quyết định số 02/QĐ-NNH ngày 02/01/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội (nay là Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam) về việc ban hành Quy chế về quản lý nguồn thu và chi tiêu nội bộ và Quyết định số 1291/QĐ-HVN ngày 14/05/2015 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc Điều chỉnh mức tạm thu học phí học kỳ 1, năm học 2015-2016.


Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ năm học 2015 – 2016.

Điều 3: Các Ông/Bà Chánh văn phòng Học viện, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng Ban QL đào tạo, Trưởng Ban HTQT, Trưởng Ban CTCT&CTSV, Trưởng các khoa, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Lưu VT, TCKT, QLĐT, HTQT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Thị Lan

